https://nhathuocngocanh.com/

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Tên thuốc: MUCIBABY

" Để xa tầm tay trẻ em "

" Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng "

2. Thành phần công thức thuốc: Mỗi túi 1,5g chứa:

Dược chất:	
Potassium Guaiacolsulfonate:	58,72 mg
Natri benzoat:	113,40 mg
Tá dược vừa đủ 1 gói.	
(Tá dược gồm: Natri benzoat, Lactose mono hydrat, Đường trắng, Aspartam,Tinh dầu cam)	

3. Dạng bào chế của thuốc: Thuốc bột

4. Chỉ định:

- Thuốc bột MUCIBABY được dành cho bệnh nhân khó khăn trong việc tống xuất đờm ở đường hô hấp.
- Thuốc làm giảm các triệu chứng ho và long đờm trong đường hô hấp của trẻ em và trẻ sơ sinh do viêm nhiễm đường hô hấp, ho có đờm do cảm lạnh, ho do kích ứng, ho có kèm theo rối loạn dịch tiết khí phế quản..

5. Liều dùng, cách dùng: Theo chỉ dẫn của bác sỹ, dược sỹ hoặc theo liều sau:

Liều dùng:

- Trẻ sơ sinh và trẻ em từ 5 tuổi trở xuống: uống mỗi lần 1 túi, ngày 2- 3 lần, tùy theo tình trạng bệnh.
- Trẻ em trên 5 tuổi: uống mỗi lần 1 túi, ngày 3-5 lần, tùy theo tình trạng bệnh.

Cách dùng: Dùng bằng đường uống.

Cắt gói thuốc theo miệng túi thuốc, đổ bột thuốc vào trong cốc. Đổ đầy nước vào trong túi thuốc, sau đó rót nước từ túi thuốc vào cốc, khuấy thuốc trong vài giây và uống ngay lập tức.

6. Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Bệnh tim mạch, bệnh thận, phù.
- Ho do hen suyễn, suy hô hấp.

7. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

- Bệnh nhân giảm kali huyết và huyết áp cao.
- Bệnh nhân loét dạ dày-tá tràng, trẻ bị mặc bệnh phổi- phế quản mãn tính.
- Không dùng để điều trị dài ngày hoặc đờm đặc và có mủ.
- Triệu chứng không dung nạp lactose: Trong thuốc có lactose (300 mg) và đường trắng (1000,05 mg), lactose khi vào cơ thể nhờ men lactase trong ruột non nó được phân hủy thành hai loại đường khác nhau là đường glucose và đường galactose có ích cho cơ thể. Nếu cơ thể thiếu hụt men lactase, đường lactose sẽ khó được tiêu hóa, xuống ruột già tương tác với vi khuẩn ở ruột già biến thành acid lactic và cacbon dioxide và gây ra triệu chứng: chướng bụng, đầy hơi, nôn, tiêu chảy. Triệu chứng này xuất hiện từ 30 phút đến 2 giờ sau khi uống. Đây chính là triệu chứng không dung nạp đường lactose, hiện tại chưa có phương pháp điều trị nào cải thiện khả năng hấp thu lactose của cơ thể. Do vậy khi dùng thuốc gặp các triệu chứng trên, ngừng dùng thuốc, thông báo cho bác sĩ để kịp thời sử trí.

8. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai và cho con bú chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

9. Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe và các trường hợp khác): Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

10. Tương tác, tương kỵ thuốc:

- Thuốc chống ho.

https://nhathuocngocanh.com/

- Thuốc làm khô dịch tiết phế quản.
- Potassium Guaiacolsulfonate (Sulfogaiacol): tương tác với một số thuốc như Isocarboxazid, Phenelzin, procarbazin, tranylcypromin. Tương tác này có thể có lợi hoặc có hại, khi phối hợp thuốc có thể chỉnh liều hoặc thay thế thuốc khác nếu cần.
- Natri benzoat: Tương tự với các hợp chất bậc 4, muối canxi, muối sắt, muối của các kim loại nặng. Tác dụng của thuốc giảm khi dùng cùng với các chất diện hoạt nonionic, kaolin. Thuốc gần như không có hoạt tính ở pH trên 5

11. Tác dụng không mong muốn:

-Potassium Guaiacolsulfonate: Trường hợp nặng gồm các triệu chứng mẩn ngứa, mày đay, nôn, buồn nôn, rối loạn tiêu hóa.

-Natri bezoat: có thể gây phản ứng dị ứng, mẩn da cho đến choáng phản vệ.

* *Cách xử lý ADR:* Sử dụng thuốc với hàm lượng nhỏ nhất mà có hiệu quả, hãy ngừng thuốc khi gặp tác dụng không mong muốn.

"Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sỹ biết những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc"

12. Quá liều và cách xử lý:

- Biểu hiện: buồn nôn, nôn, ngủ mơ, choáng váng, dị ứng, hạ huyết áp, rối loạn nhịp thở.

-Xử trí: Ngưng dùng thuốc, điều trị triệu chứng.

13. Đặc tính dược lực học:

Potassium Guaiacolsulfonate (Sulfogaiacol):

- Mã ATC: R05CA09
- Nhóm dược lý: Thuốc long đờm
- Kích thích bài tiết dịch làm tăng khối lượng dịch tiết niêm mạc hô hấp và làm giảm độ nhớt của dịch tiết, làm lỏng dịch tiết phế quản, làm giảm độ kết dính, giúp dễ dàng ho khạc có tác dụng long đờm.

Natri benzoate:

- Mã ATC: A16AX11
- Nhóm dược lý: Thuốc lsát khuẩn

Kích thích sự bài tiết dịch ở đường hô hấp, chống nấm, sát khuẩn đường hô hấp, thuốc có tác dụng long đờm.

14. Các đặc tính dược động học:

- *Potassium Guaiacolsulfonate (Sulfogaiacol):* Không tìm thấy trong tài liệu tham khảo.
- *Natri benzoate:* Thuốc hấp thu theo đường dạ dày – ruột, liên kết với glycin ở gan, tạo thành dạng acid hippuic, dạng này được thải trừ nhanh qua thận.

15. Quy cách đóng gói: Mỗi túi 1,5g, hộp 10 túi, 24 túi, 30 túi kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng

16. Điều kiện bảo quản và hạn dùng của thuốc, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

- Điều kiện bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

- Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

17. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: 273 Tây Sơn,Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3853.3396/3853.4148

Địa chỉ nhà máy sản xuất: 192 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3655.7842/ 2243.1603.